

Số: 3203 /QĐ-ĐHCT

Cần Thơ, ngày 09 tháng 9 năm 2015

## **QUYẾT ĐỊNH**

### **Về việc ban hành Quy định về đào tạo chất lượng cao trình độ đại học của Trường Đại học Cần Thơ**

#### **HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC CẦN THƠ**

Căn cứ Điều 11, Chương II của “Điều lệ trường đại học” được ban hành kèm theo Quyết định 70/2014/QĐ-TTg ngày 10 tháng 12 năm 2014 của Thủ tướng Chính phủ quy định về quyền hạn và trách nhiệm của hiệu trưởng trường đại học;

Căn cứ Quyết định số 43/2007/QĐ-BGDĐT ngày 15 tháng 8 năm 2007 về việc ban hành Quy chế đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ được sửa đổi bổ sung tại Thông tư số 57/2012/TT-BGDĐT ngày 27 tháng 12 năm 2012 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo;

Căn cứ Thông tư số 23/2014/TT-BGDĐT ngày 18 tháng 7 năm 2014 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành quy định về đào tạo chất lượng cao trình độ đại học;

Theo đề nghị của ông (bà): Trưởng phòng Đào tạo, Trưởng phòng Công tác sinh viên, Trưởng phòng Tài vụ, Trưởng phòng Quản trị - Thiết bị, Trưởng phòng Quản lý khoa học, Trưởng phòng Hợp tác quốc tế, Trưởng phòng Tổ chức - Cán bộ, Trưởng phòng Thanh tra - Pháp chế, Trưởng phòng Kế hoạch tổng hợp, Giám đốc Trung tâm Đảm bảo chất lượng và Khảo thí, Giám đốc Trung tâm Học liệu, Giám đốc Trung tâm Thông tin và Quản trị mạng, Giám đốc Trung tâm Đánh giá năng lực ngoại ngữ, Khoa Sau đại học,

#### **QUYẾT ĐỊNH:**


**Điều 1.** Ban hành kèm theo Quyết định này “Quy định về đào tạo chất lượng cao trình độ đại học hệ chính quy của Trường Đại học Cần Thơ”.

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực từ ngày ký.

**Điều 3.** Các ông (bà): Trưởng phòng Đào tạo, Trưởng phòng Công tác sinh viên, Trưởng phòng Tài vụ, Trưởng phòng Quản trị - Thiết bị, Trưởng phòng Quản lý khoa học, Trưởng phòng Hợp tác quốc tế, Trưởng phòng Tổ chức - Cán bộ, Trưởng phòng Thanh tra - Pháp chế, Trưởng phòng Kế hoạch tổng hợp, Giám đốc Trung tâm Đảm bảo chất lượng và Khảo thí, Giám đốc Trung tâm Học liệu, Giám đốc Trung tâm Thông tin và Quản trị mạng, Giám đốc Trung tâm Đánh giá năng lực ngoại ngữ, Khoa Sau đại học, Trưởng các đơn vị có liên quan, công chức, viên chức và sinh viên chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

#### **Nơi nhận:**

- Như Điều 3;
- Ban Giám hiệu;
- Hội đồng: KH&ĐT, ĐBCL;
- Website Trường;
- Lưu: VT, PĐT.

**HIỆU TRƯỞNG** 

**Hà Thanh Toàn**

## QUY ĐỊNH

### **Đào tạo chất lượng cao trình độ đại học hệ chính quy của Trường Đại học Cần Thơ**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 3203 /QĐ-ĐHCT  
ngày 09 tháng 9 năm 2015 của Hiệu trưởng Trường Đại học Cần Thơ)*

---

## CHƯƠNG I

### NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

#### **Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng**

1. Văn bản này quy định về đào tạo chất lượng cao (viết tắt là ĐTCLC) trình độ đại học hệ chính quy tại Trường Đại học Cần Thơ (viết tắt là ĐHCT), bao gồm: mục tiêu đào tạo, chương trình đào tạo; tuyển sinh; tổ chức và quản lý đào tạo; giảng viên và trợ giảng; sinh viên; cơ sở vật chất; nghiên cứu khoa học; hợp tác quốc tế; đảm bảo chất lượng; học phí và học bổng; khen thưởng và kỷ luật.
2. Quy định này áp dụng đối với các đơn vị, công chức, viên chức và sinh viên tham gia quá trình ĐTCLC của Trường ĐHCT.
3. Những nội dung khác liên quan đến ĐTCLC không được quy định trong Quy định này sẽ áp dụng theo Quy định về công tác học vụ dành cho sinh viên bậc đại học và cao đẳng hệ chính quy của Trường ĐHCT có hiệu lực hiện hành.

#### **Điều 2. Giải thích thuật ngữ**

Trong Quy định này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. *Chương trình đào tạo đại trà* là chương trình đào tạo (viết tắt là CTĐT) trình độ đại học đang được thực hiện tại Trường ĐHCT, có mức trần học phí theo quy định hiện hành của Chính phủ.
2. *Chương trình chất lượng cao* (viết tắt là CTCLC) là chương trình đào tạo có các điều kiện đảm bảo chất lượng và chuẩn đầu ra cao hơn CTĐT đại trà tương ứng, đồng thời đáp ứng các tiêu chí và điều kiện tại Quy định này; có mức học phí được quy định bởi Trường ĐHCT trên cơ sở tính đúng, tính đủ chi phí đào tạo toàn khóa học.

#### **Điều 3. Mục tiêu đào tạo chất lượng cao**

Nâng cao chất lượng đào tạo ở những đơn vị có đủ điều kiện nhằm đào tạo nguồn nhân lực có tính cạnh tranh cao trên thị trường lao động trong thời kỳ hội nhập kinh tế khu vực và thế giới.

Đào tạo chất lượng cao đáp ứng các quy định của Thông tư số 23/2014/TT-BGDĐT của Bộ Giáo dục và Đào tạo (viết tắt là GD&ĐT) về chương trình đào tạo, tuyển sinh, đội ngũ giảng viên và cán bộ quản lý, tổ chức và quản lý đào tạo, nghiên cứu khoa học, hợp tác quốc tế, cơ sở vật chất nhằm hướng đến tự chủ trong đào tạo.

Chương trình chất lượng cao được Trường ưu tiên về cơ sở vật chất, giáo trình và tài liệu tham khảo, đội ngũ giảng dạy, tạo điều kiện áp dụng phương pháp giảng dạy tiên tiến... để từng bước đạt chuẩn chất lượng của tổ chức kiểm định CTĐT có uy tín của Việt Nam, của khu vực hoặc thế giới nhằm thu hút sinh viên trong nước và quốc tế.

#### **Điều 4. Chương trình đào tạo**

1. Chuẩn đầu ra của CTĐT chất lượng cao phải cao hơn của CTĐT đại trà tương ứng về năng lực chuyên môn; năng lực ngoại ngữ; năng lực ứng dụng công nghệ thông tin; năng lực dẫn dắt, chủ trì và làm việc nhóm; khả năng thích nghi với môi trường công tác; riêng năng lực ngoại ngữ tối thiểu phải đạt bậc 4/6 theo khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam (hoặc chứng chỉ B2 theo khung tham chiếu Châu Âu do Trường ĐHCT cấp hoặc tương đương trở lên). Loại chứng chỉ và cấp độ ngoại ngữ đạt được tối thiểu để được xét tương đương trình độ bậc 4/6 do Hiệu trưởng quy định (xem phụ lục).
2. Chương trình đào tạo chất lượng cao được xây dựng và phát triển trên nền của CTĐT đại trà theo hệ thống tín chỉ của Trường ĐHCT; có tham khảo CTĐT nước ngoài; có sự tham gia và góp ý của đội ngũ giảng viên thực hiện CTĐT chất lượng cao, giảng viên có kinh nghiệm, chuyên gia nước ngoài, bộ phận đảm bảo chất lượng; được lấy ý kiến đóng góp của cựu sinh viên, đại diện của các đơn vị sử dụng lao động; và có đủ các điều kiện như sau:
  - a) Có ít nhất 3 khóa sinh viên đại học tốt nghiệp và đã công bố chuẩn đầu ra của CTĐT đại trà;
  - b) Có chương trình trao đổi giảng viên, sinh viên với các trường đại học nước ngoài;
  - c) Có hợp tác với các tổ chức, doanh nghiệp và cơ sở sản xuất liên quan đến CTCLC; có các giảng viên thỉnh giảng, báo cáo viên đến từ tổ chức, doanh nghiệp và cơ sở sản xuất;
  - d) Trong 5 năm, tính đến thời điểm đề án ĐTCLC được Hội đồng Khoa học và Đào tạo Trường thông qua, Trường ĐHCT phải có ít nhất 5 công trình nghiên cứu có nội dung liên quan đến ngành ĐTCLC được nghiệm thu hoặc được công bố trên các tạp chí khoa học chuyên ngành.

Chương trình đào tạo chất lượng cao được thiết kế có khối lượng tối thiểu (chưa tính khối lượng ngoại ngữ bồi dưỡng đầu khóa học và ngoại ngữ tăng cường) và thời gian cho phép để sinh viên hoàn thành khóa học như sau:

<b>Thời gian thiết kế Chương trình đào tạo</b>	<b>Khối lượng chương trình đào tạo</b>	<b>Thời gian tối đa Sinh viên được phép học</b>
4 năm	130 tín chỉ	8 năm
4,5 năm	145 tín chỉ	9 năm
5 năm	160 tín chỉ	10 năm

Ngoài khối lượng của CTĐT như nêu trên, vào đầu khóa học, sinh viên phải tham gia lớp bồi dưỡng ngoại ngữ do Trường tổ chức để đạt năng lực ngoại ngữ tối thiểu theo học CTCLC. Chương trình bồi dưỡng ngoại ngữ và mức học phí do Hiệu trưởng quy định. Sinh viên cần phải đạt yêu cầu chương trình bồi dưỡng ngoại ngữ mới được tiếp tục theo học CTCLC. Sinh viên là người nước ngoài, sinh viên đã học trung học phổ thông (hoặc tương đương) bằng tiếng nước ngoài hoặc có chứng chỉ ngoại ngữ tương đương bậc 4/6 theo khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam (xem phụ lục) đúng với ngoại ngữ theo yêu cầu của CTĐT chất lượng cao thì được phép không tham gia kiểm tra năng lực ngoại ngữ đầu vào và tham dự chương trình bồi dưỡng ngoại ngữ.

Trong quá trình theo học CTCLC, sinh viên phải có kế hoạch học tập để tiếp tục nâng cao năng lực ngoại ngữ. CTĐT chất lượng cao có thiết kế các học phần ngoại ngữ tăng cường với nội dung giảng dạy đến trình độ tương đương bậc 4/6 theo khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam. Ngoài ra, sinh viên có thể theo học các khóa học ngoại ngữ do Trung tâm Ngoại ngữ Trường ĐHCT tổ chức để nâng cao năng lực ngoại ngữ.

Sinh viên là người nước ngoài phải tham dự kiểm tra trình độ tiếng Việt đầu vào và nếu chưa đạt trình độ tiếng Việt tối thiểu để theo học CTCLC thì phải tham gia lớp bồi dưỡng tiếng Việt do Trường tổ chức. Chương trình bồi dưỡng tiếng Việt và mức học phí do Hiệu trưởng qui định.

3. Đề cương chi tiết các học phần của CTĐT chất lượng cao khi xây dựng phải có sự tham gia của đội ngũ giảng viên thực hiện CTĐT chất lượng cao, bộ phận đảm bảo chất lượng và lấy ý kiến đóng góp của cựu sinh viên, đại diện của các đơn vị sử dụng lao động. Đề cương chi tiết các học phần thuộc khối kiến thức ngành, chuyên ngành của CTCLC phải có ý kiến thẩm định của 2 chuyên gia ngoài cơ sở đào tạo (trong nước hoặc quốc tế) am hiểu lĩnh vực chuyên môn.
4. Chuẩn đầu ra, chương trình đào tạo, đề cương chi tiết các học phần của CTĐT chất lượng cao được công bố trên trang thông tin điện tử (website) của Trường ĐHCT.
5. Đề án ĐTCLC, quy trình xây dựng, thẩm định và ban hành CTCLC được thực hiện theo Thông tư số 23/2014/TT-BGDĐT ngày 18 tháng 7 năm 2014 của Bộ GD&ĐT và các quy định hiện hành có liên quan của Bộ GD&ĐT và của Trường ĐHCT.

## **CHƯƠNG II**

### **CHỈ TIÊU, ĐỐI TƯỢNG, ĐIỀU KIỆN, QUY TRÌNH TUYỂN SINH, CHUYỂN ĐỔI SINH VIÊN GIỮA CTCLC VÀ CTĐT ĐẠI TRÀ**

#### **Điều 5. Chỉ tiêu, đối tượng, điều kiện và ưu tiên tuyển sinh**

1. Chỉ tiêu đào tạo CTCLC nằm trong tổng chỉ tiêu đào tạo đã xác định hàng năm của Trường ĐHCT theo quy định của Bộ GD&ĐT. Hiệu trưởng quyết định chỉ tiêu đào tạo của từng ngành ĐTCLC.

2. Đối tượng tuyển sinh và điều kiện tuyển sinh
  - a) Thí sinh là người Việt Nam đã trúng tuyển vào Trường ĐHCT trong kỳ tuyển sinh đại học hệ chính quy trong năm; thí sinh là người nước ngoài phải có văn bằng tốt nghiệp tối thiểu tương đương văn bằng tốt nghiệp trung học phổ thông của Việt Nam, có năng lực tiếng Việt đáp ứng yêu cầu của CTĐT chất lượng cao do Hiệu trưởng quy định.
  - b) Thí sinh (không thuộc diện được miễn kiểm tra năng lực ngoại ngữ đầu vào được quy định tại khoản 2 Điều 4) phải tham gia kỳ thi kiểm tra năng lực ngoại ngữ đầu vào, riêng thí sinh là người nước ngoài phải tham gia thêm kỳ thi kiểm tra năng lực tiếng Việt. Thí sinh là người nước ngoài chưa đạt trình độ tiếng Việt phải tham gia học và đóng học phí khóa học bồi dưỡng tiếng Việt do Trường ĐHCT tổ chức. Chương trình và mức học phí bồi dưỡng tiếng Việt do Hiệu trưởng quy định.
  - c) Thí sinh phải đáp ứng các điều kiện khác về tuyển sinh do Trường ĐHCT quy định (được ghi trong thông báo tuyển sinh hàng năm); phải nộp hồ sơ đăng ký xét tuyển, đơn xác nhận tự nguyện tham gia học và cam kết đóng học phí theo quy định của Trường ĐHCT.
3. Những ưu tiên tuyển sinh của từng ngành ĐTCLC (nếu có) do Hiệu trưởng quyết định và được ghi rõ trong thông báo tuyển sinh.

## **Điều 6. Quy trình tuyển sinh**

1. Hàng năm, Hiệu trưởng ban hành quyết định thành lập Hội đồng tuyển sinh CTCLC Trường ĐHCT. Hội đồng tuyển sinh CTCLC có nhiệm vụ tổ chức xét tuyển sinh viên vào học các CTCLC đúng với quy định này và thông báo tuyển sinh.
2. Thông báo tuyển sinh sinh viên vào học CTCLC được Hội đồng tuyển sinh CTCLC đăng công khai trên website của Trường.
3. Thí sinh nộp hồ sơ đăng ký xét tuyển vào học CTCLC, đơn tự nguyện tham gia học, cam kết đóng học phí theo quy định nếu được trúng tuyển và các giấy tờ khác theo thông báo tuyển sinh cho Hội đồng tuyển sinh CTCLC theo mẫu đính kèm với thông báo tuyển sinh. Thí sinh là người Việt Nam đăng ký tham dự kỳ thi kiểm tra năng lực ngoại ngữ đầu vào khi làm thủ tục nhập học; thí sinh là người nước ngoài đăng ký tham dự kỳ thi kiểm tra năng lực ngoại ngữ đầu vào và kỳ thi kiểm tra năng lực tiếng Việt do Trường ĐHCT tổ chức khi nộp hồ sơ đăng ký dự thi. Lệ phí đăng ký xét tuyển vào học CTCLC và đăng ký thi kiểm tra năng lực ngoại ngữ đầu vào và năng lực tiếng Việt do Hiệu trưởng quy định.
4. Trung tâm Đánh giá năng lực ngoại ngữ có nhiệm vụ tổ chức kỳ thi kiểm tra năng lực ngoại ngữ và kiểm tra năng lực tiếng Việt cho sinh viên đăng ký xét tuyển vào học CTCLC.
5. Căn cứ chỉ tiêu tuyển sinh của năm; Hội đồng tuyển sinh CTCLC tổ chức xét tuyển trên cơ sở kết quả tuyển sinh, năng lực ngoại ngữ, năng lực tiếng Việt (nếu là người nước ngoài) của thí sinh; và các ưu tiên xét tuyển của từng ngành ĐTCLC trình Hiệu trưởng xem xét kết quả xét tuyển và quyết định danh sách thí sinh trúng tuyển của từng ngành ĐTCLC. Kết quả xét tuyển được công bố công khai trên website của Trường.

6. Thí sinh là sinh viên không được xét tuyển vào học CTCLC được tiếp tục học CTĐT đại trà mà sinh viên đã được xét trúng tuyển vào Trường ĐHCT.
7. Hàng năm, sau mỗi kỳ tuyển sinh, kết quả tuyển sinh CTCLC được gửi cho Bộ GD&ĐT để báo cáo.

### **Điều 7. Sinh viên chuyển đổi giữa CTCLC và CTĐT đại trà**

1. Sinh viên CTCLC chuyển sang CTĐT đại trà trong các trường hợp sau đây:
  - Sinh viên có điểm trung bình chung học kỳ của hai học kỳ chính liên tiếp dưới 1,0 điểm;
  - Sinh viên có nguyện vọng chuyển sang học CTĐT đại trà. Trường hợp này, sinh viên gửi đơn đến Phòng Công tác sinh viên chậm nhất là 2 tháng trước khi bắt đầu học kỳ để trình Ban Giám hiệu để xem xét và quyết định.
2. Hàng năm, căn cứ vào số lượng sinh viên của CTCLC, Trường thông báo tuyển sinh bổ sung sinh viên từ CTĐT đại trà vào học năm thứ hai của khóa học. Số lượng sinh viên tuyển sinh bổ sung của từng CTCLC do Hiệu trưởng quyết định. Sinh viên CTĐT đại trà được xem xét chuyển sang CTCLC nếu thỏa các điều kiện sau đây:
  - Có hồ sơ đăng ký xét tuyển theo thông báo và đồng ý thực hiện các quy định của CTCLC. Hồ sơ xét tuyển vào học bổ sung CTCLC được gửi đến Phòng Công tác sinh viên chậm nhất là 1 tháng trước khi bắt đầu học kỳ để trình Ban Giám hiệu xem xét và quyết định;
  - Có kết quả tuyển sinh đại học từ bằng trở lên điểm xét tuyển của CTCLC;
  - Có kết quả kiểm tra năng lực ngoại ngữ đầu vào (của kỳ thi trong năm trúng tuyển vào đại học hoặc các năm sau) phải bằng hoặc cao hơn điểm xét tuyển của CTCLC;
  - Tính đến thời điểm nộp hồ sơ, có Điểm trung bình chung tích lũy đạt từ 2,5 điểm trở lên.
3. Nguyên tắc xét tuyển sinh viên từ CTĐT đại trà sang CTCLC, trước hết phải thỏa các điều kiện về ngoại ngữ và điểm xét tuyển của CTCLC; sau đó dựa vào điểm trung bình tích lũy đến thời điểm xin xét tuyển để chọn từ điểm cao xuống đến khi đủ chỉ tiêu xét tuyển.
4. Ngoài các điều kiện đề cập ở khoản 1 và khoản 2 Điều này, sinh viên chỉ được xem xét chuyển đổi giữa CTCLC và CTĐT đại trà nếu không phải đang trong thời gian bị kỷ luật hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự và phải hoàn thành việc đóng học phí theo quy định.
5. Sinh viên chuyển đổi giữa giữa CTCLC và CTĐT đại trà được xét miễn và công nhận điểm các học phần đã tích lũy theo quy định hiện hành của Trường ĐHCT. Sinh viên phải lập kế hoạch và tích lũy các học phần còn lại theo yêu cầu của CTĐT được phép chuyển đổi.
6. Thời gian tối đa cho phép để sinh viên hoàn thành khóa học được tính theo CTĐT mà sinh viên đang theo học. Thời điểm bắt đầu tính thời gian học là từ khi sinh viên bắt đầu học tập tại Trường. Những sinh viên được hưởng ưu tiên đối tượng quy định tại Quy chế tuyển sinh đại học, cao đẳng hệ chính quy không giới hạn về thời gian tối đa để hoàn thành CTĐT.

## **CHƯƠNG III**

### **QUẢN LÝ VÀ TỔ CHỨC ĐÀO TẠO**

#### **Điều 8. Quản lý chương trình chất lượng cao**

1. Quản lý CTCLC cấp trường là “Ban quản lý Chương trình chất lượng cao” do Hiệu trưởng làm Trưởng ban, một Phó hiệu trưởng là Phó trưởng ban, lãnh đạo đơn vị quản lý CTCLC làm Ủy viên, lãnh đạo Phòng Đào tạo, Phòng Công tác sinh viên, Phòng Tài vụ, Phòng Quản trị - Thiết bị, Phòng Quản lý khoa học, Phòng Hợp tác quốc tế, Phòng Tổ chức - Cán bộ, Phòng Kế hoạch tổng hợp, Trung tâm Đảm bảo chất lượng và Khảo thí, Trung tâm Học liệu và bộ môn (hoặc đơn vị tương đương) phụ trách chuyên môn ngành đào tạo làm Ủy viên. Căn cứ đề xuất của đơn vị và Phòng Tổ chức - Cán bộ, Hiệu trưởng ban hành quyết định thành lập “Ban quản lý Chương trình chất lượng cao”.
2. Quản lý CTCLC của đơn vị trực thuộc Trường là “Tổ quản lý Chương trình chất lượng cao” do lãnh đạo đơn vị là Ủy viên thường trực Ban quản lý CTCLC làm Tổ trưởng, lãnh đạo bộ môn (hoặc đơn vị tương đương) có CTCLC làm Tổ phó và các thành viên khác do đơn vị đề xuất. Căn cứ đề xuất của đơn vị và Phòng Tổ chức - Cán bộ, Hiệu trưởng ban hành quyết định thành lập “Tổ quản lý Chương trình chất lượng cao”.
3. Cán bộ tham gia Ban quản lý và Tổ quản lý CTCLC phải có đủ năng lực chuyên môn, có kinh nghiệm trong quản lý đào tạo; sử dụng thành thạo các phần mềm quản lý liên quan; có năng lực ngoại ngữ đáp ứng yêu cầu công việc.

#### **Điều 9. Cố vấn học tập**

1. Cố vấn học tập phải là giảng viên có tham gia giảng dạy ngành ĐTCLC; phải nắm vững CTĐT, quy định về ĐTCLC; có khả năng tổ chức và quản lý lớp; có khả năng hỗ trợ, tư vấn cho sinh viên của lớp được phân công trong quá trình học tập; có năng lực ngoại ngữ đáp ứng yêu cầu công việc. Danh sách cố vấn học tập do Hiệu trưởng quyết định trên cơ sở đề nghị của đơn vị quản lý CTCLC và Phòng Công tác sinh viên.
2. Cố vấn học tập chịu trách nhiệm tổ chức và quản lý lớp được phân công phụ trách. Ngoài giờ lên lớp, cố vấn học tập phải bố trí thời gian trả lời, giải quyết các vấn đề vướng mắc của sinh viên về CTĐT, nội dung học tập, quy định về công tác học vụ và các vấn đề khác sinh viên cần tư vấn và hỗ trợ. Cố vấn học tập phải báo cáo kịp thời đến Tổ quản lý Chương trình chất lượng cao các vấn đề vượt quá khả năng hỗ trợ, tư vấn và giải quyết; các ý kiến, phản ánh của sinh viên, phụ huynh và viên chức.

#### **Điều 10. Lớp quản lý sinh viên**

1. Lớp quản lý sinh viên CTCLC được tổ chức theo ngành ĐTCLC và khóa học. Căn cứ vào số lượng sinh viên của từng ngành ĐTCLC của khóa học, Hiệu trưởng quyết định việc phân chia thành một lớp hoặc nhiều lớp để quản lý sinh viên. Mỗi lớp có một mã số lớp để phân biệt ngành ĐTCLC và khóa học.
2. Mỗi lớp có một cố vấn học tập đảm nhiệm công tác tổ chức và quản lý lớp; tư vấn và hỗ trợ sinh viên.

## **Điều 11. Tổ chức đào tạo**

Ngoài việc tuân theo các quy định chung về tổ chức và quản lý đào tạo trình độ đại học hiện hành, tổ chức và quản lý đào tạo CTCLC phải đảm bảo:

1. Tổ chức thực hiện theo học chế tín chỉ, sử dụng triệt để phương pháp giảng dạy mới theo hướng phát huy năng lực cá nhân của sinh viên, tăng cường rèn luyện kỹ năng mềm, kỹ năng làm việc nhóm, kỹ năng thuyết trình, kỹ năng sử dụng các trang thiết bị hiện đại và các phần mềm chuyên dụng để giải quyết các nội dung chuyên môn. Chuẩn đầu ra và CTĐT chất lượng cao được Tổ quản lý CTCLC phổ biến và giải thích rõ đến sinh viên thuộc ngành ĐTCLC vào đầu khóa học. Mục tiêu, nội dung, phương pháp giảng dạy, cách đánh giá, tài liệu và nguồn tài liệu học tập học phần được ghi rõ trong đề cương chi tiết học phần và được giảng viên phổ biến cụ thể trong buổi học đầu tiên của học phần.
2. Có ít nhất 20% số tín chỉ các học phần thuộc khối kiến thức cơ sở ngành, ngành và chuyên ngành được dạy bằng ngoại ngữ, trong đó có ít nhất 1/2 số tín chỉ nêu trên do giảng viên được quy định tại điểm d khoản 1 Điều 14 của Quy định này đảm nhiệm (trừ những ngành chỉ đào tạo ở Việt Nam).
3. Tổ chức cho sinh viên tham quan, thực hành, thực tập tại các tổ chức, doanh nghiệp, công ty, cơ sở sản xuất trong hoặc ngoài nước theo kế hoạch; mời các giảng viên thỉnh giảng và báo cáo viên là các chuyên gia, nhà khoa học, doanh nhân, nghệ nhân đến từ cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp ở trong nước hoặc nước ngoài tham gia giảng dạy, báo cáo chuyên đề, hướng dẫn thực hành, thí nghiệm, phát triển nghề nghiệp; hợp tác với các đơn vị sử dụng lao động, doanh nghiệp liên quan để mời tham gia, hỗ trợ hoạt động đào tạo và nghiên cứu khoa học.
4. Áp dụng các phương pháp đánh giá hiện đại theo hướng chú trọng phát triển năng lực phân tích, thực hành, sáng tạo, tự cập nhật kiến thức; năng lực nghiên cứu, ứng dụng khoa học và công nghệ trên nguyên tắc khách quan, minh bạch, linh hoạt, bám sát mục tiêu của mỗi học phần và của CTĐT.
5. Bố trí đủ trợ giảng cho mỗi học phần thuộc khối kiến thức chuyên ngành.
6. Bố trí đủ cán bộ hướng dẫn thảo luận, thực hành, thí nghiệm, thực tập; đảm bảo mỗi nhóm thảo luận không quá 30 sinh viên, nhóm thực hành không quá 15 sinh viên, nhóm làm thí nghiệm tại phòng thí nghiệm không quá 5 sinh viên/thiết bị.

## **Điều 12. Kiểm tra và thi học phần**

1. Kiểm tra và thi học phần CTCLC được áp dụng theo quy định về công tác học vụ dành cho sinh viên đại học và cao đẳng hệ chính quy hiện hành.
2. Tổ chức kiểm tra và thi theo phương pháp đánh giá tiên tiến phù hợp với từng học phần nhằm mục tiêu phát triển năng lực và phẩm chất của sinh viên. Hình thức đánh giá và tính điểm học phần được ghi rõ trong đề cương chi tiết của học phần và được giảng viên phổ biến cụ thể trong buổi học đầu tiên của học phần.
3. Sử dụng ngoại ngữ trong kiểm tra và thi đối với các học phần được giảng dạy bằng tiếng nước ngoài.



4. Viết và báo cáo tiểu luận tốt nghiệp, luận văn tốt nghiệp bằng ngoại ngữ (trừ các ngành đặc thù phải viết và báo cáo bằng tiếng Việt). Khuyến khích viết và báo cáo các học phần thực hành, thực tập, báo cáo chuyên đề, đồ án, niên luận bằng ngoại ngữ.

### **Điều 13. Văn bằng tốt nghiệp**

Sinh viên hoàn thành CTCLC được Hiệu trưởng cấp bằng tốt nghiệp đại học với danh hiệu “Cử nhân” hoặc “Kỹ sư” và có ghi rõ bằng tiếng Việt là “chương trình chất lượng cao” và bằng tiếng Anh là “high quality program” trong dấu ngoặc đơn ngay sau tên ngành ĐTCLC tương ứng bằng tiếng Việt và tiếng Anh.

## **CHƯƠNG IV**

### **GIẢNG VIÊN, TRỢ GIẢNG, SINH VIÊN**

#### **Điều 14. Điều kiện đối giảng viên và trợ giảng**

##### **1. Giảng viên**

- a) Có trình độ thạc sĩ trở lên. Riêng giảng viên dạy lý thuyết các học phần thuộc khối kiến thức ngành, chuyên ngành phải có trình độ tiến sĩ hoặc chức danh giáo sư, phó giáo sư hoặc có trình độ thạc sĩ tốt nghiệp ở các trường đại học của các nước phát triển đúng ngành hoặc thuộc ngành gần (đối với các ngành đặc thù);
- b) Có năng lực chuyên môn, NCKH đáp ứng yêu cầu của CTĐT chất lượng cao (có tối thiểu 1 công trình nghiên cứu khoa học được công bố hoặc được nghiệm thu có nội dung liên quan đến ngành ĐTCLC); có kinh nghiệm giảng dạy liên quan đến ngành CTĐT chất lượng cao từ 3 năm trở lên; được đơn vị quản lý chuyên môn và người học đánh giá có phương pháp giảng dạy hiệu quả, áp dụng tốt công nghệ thông tin trong giảng dạy và NCKH;
- c) Giảng viên dạy các học phần chuyên môn bằng ngoại ngữ, ngoài các tiêu chuẩn nêu tại điểm a, b khoản này, phải có trình độ ngoại ngữ bậc 5/6 trở lên theo khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam (hoặc tương đương) hoặc được đào tạo trình độ đại học trở lên toàn thời gian ở nước ngoài bằng ngôn ngữ đó;
- d) Có giảng viên uy tín của các trường đại học nước ngoài (bao gồm cả giảng viên Việt Nam có quốc tịch nước ngoài) hoặc giảng viên Việt Nam đã tham gia giảng dạy trình độ đại học trở lên ở nước ngoài hoặc giảng viên đã được đào tạo trình độ tiến sĩ ở nước ngoài, đáp ứng yêu cầu của CTCLC tham gia giảng dạy các học phần được quy định tại khoản 2 Điều 11 của Quy định này;
- e) Danh sách giảng viên tham gia giảng dạy CTCLC do Hiệu trưởng phê duyệt theo đề nghị của trường đơn vị quản lý ngành đào tạo và của Phòng Hợp tác quốc tế (nếu là người nước ngoài bao gồm cả giảng viên Việt Nam có quốc tịch nước ngoài), được công bố công khai trên trang thông tin điện tử của Trường ĐHQG. Danh sách giảng viên dạy CTCLC nếu có điều chỉnh, bổ sung phải được Hiệu trưởng phê duyệt trước thời điểm bắt đầu học kỳ.

## 2. Trợ giảng

- a) Trợ giảng phải có đủ năng lực chuyên môn, ngoại ngữ đáp ứng yêu cầu của học phần; sử dụng tốt các thiết bị hiện đại phục vụ giảng dạy để hỗ trợ giảng viên trong việc hướng dẫn sinh viên thực hiện bài tập, hướng dẫn thực hành, thảo luận, báo cáo chuyên đề, đồ án, niên luận, tiểu luận tốt nghiệp, khóa luận tốt nghiệp;
- b) Nghiên cứu sinh, học viên cao học, sinh viên giỏi tốt nghiệp CTCLC, Chương trình tiên tiến có thể tham gia hoạt động trợ giảng.

## **Điều 15. Nhiệm vụ và quyền của giảng viên**

### 1. Nhiệm vụ của giảng viên

Ngoài những nhiệm vụ đối với giảng viên theo quy định của Luật Giáo dục đại học, giảng viên tham gia giảng dạy CTCLC còn có những nhiệm vụ sau đây:

- Tổ chức giảng dạy và tổ chức đánh giá lớp học phần được phân công theo đúng đề cương chi tiết học phần và kế hoạch giảng dạy của Trường. Trong tiết dạy thứ nhất của học phần, giảng viên thông tin và giải thích đến sinh viên các nội dung và yêu cầu của học phần được đề cập trong đề cương chi tiết học phần; giới thiệu các tài liệu và nguồn tài liệu học tập cần tham khảo;
- Thực hiện giảng dạy lớp học phần bằng ngoại ngữ đối với các học phần được yêu cầu giảng dạy bằng tiếng nước ngoài;
- Cung cấp học liệu cho sinh viên (nếu học phần có yêu cầu); hướng dẫn hoặc tổ chức cho trợ giảng hướng dẫn sinh viên thực hiện các nội dung trong giờ tự học, bài tập, câu hỏi lý thuyết để sinh viên chuẩn bị cho thảo luận, làm việc nhóm;
- Thường xuyên cập nhật nâng cao chất lượng nội dung giảng dạy và cải tiến phương pháp giảng dạy và đánh giá;
- Khai thác và sử dụng cơ sở vật chất kỹ thuật phục vụ cải tiến và đổi mới phương pháp giảng dạy;
- Đóng góp ý kiến nhằm nâng cao chất lượng đào tạo và quản lý.

### 2. Quyền của giảng viên

Ngoài những quyền của giảng viên theo quy định của Luật Giáo dục đại học, giảng viên tham gia giảng dạy CTCLC còn có những quyền sau đây:

- Được hưởng chế độ bồi dưỡng ưu đãi đối với công tác giảng dạy, hướng dẫn sinh viên nghiên cứu khoa học theo quy định của CTCLC;
- Được ưu tiên sử dụng trang thiết bị phục vụ cho việc giảng dạy và nghiên cứu khoa học để đáp ứng các yêu cầu của CTCLC;
- Được tạo điều kiện để áp dụng các phương pháp dạy học tiên tiến phù hợp với điều kiện thực tiễn của Trường;
- Được chủ động liên hệ và đề xuất với Khoa và Trường đối tác trong và ngoài nước hợp tác giảng dạy và nghiên cứu khoa học;
- Được tạo điều kiện tham gia các hội thảo trong nước và quốc tế do Trường và các đơn vị đối tác tổ chức.

## **Điều 16. Nhiệm vụ và quyền của sinh viên**

### **1. Nhiệm vụ của sinh viên**

Sinh viên CTCLC thực hiện nhiệm vụ đối với người học theo quy định của Luật Giáo dục đại học. Ngoài ra, sinh viên CTCLC còn có các nhiệm vụ sau đây:

- Chủ động tổ chức học tập và rèn luyện;
- Tham gia hoạt động nghiên cứu khoa học theo nhóm và tham gia đề tài nghiên cứu với giảng viên; hợp tác quốc tế và trao đổi sinh viên theo quy định;
- Tôn trọng giảng viên, cán bộ quản lý, viên chức và nhân viên; đoàn kết, giúp đỡ lẫn nhau trong học tập và rèn luyện;
- Tuân thủ nội quy, quy định chung của Trường và quy định riêng của CTCLC; đóng học phí theo đúng thời hạn;
- Tham gia lao động và hoạt động xã hội, hoạt động bảo vệ môi trường, bảo vệ an ninh, trật tự, phòng, chống tiêu cực, gian lận trong học tập và thi cử, phòng chống tội phạm, tệ nạn xã hội;
- Đóng góp ý kiến xây dựng nhà trường; tham gia các hoạt động bảo đảm chất lượng giáo dục.

### **2. Quyền của sinh viên**

Ngoài những quyền của sinh viên theo quy định của Luật Giáo dục đại học và các quyền lợi khác sinh viên CTĐT đại trà theo quy định của Bộ GD&ĐT và của Trường ĐHCT, sinh viên CTCLC còn có những quyền sau:

- Được giảng dạy bởi các giảng viên như quy định đối với ĐTCLC;
- Được ưu tiên bố trí học tập tại phòng học với các trang thiết bị hiện đại; sử dụng tài liệu học tập; phương tiện, trang thiết bị kỹ thuật, thư viện và hệ thống internet phục vụ cho học tập và nghiên cứu khoa học;
- Được ưu tiên xét duyệt giao thực hiện đề tài nghiên cứu khoa học;
- Được tạo điều kiện tham gia các hội thảo trong nước và quốc tế do Trường và các đơn vị đối tác tổ chức; các hoạt động chuyên môn; tham quan thực tế và các hoạt động ngoại khóa;
- Được ưu tiên xét chọn đi học tập ở nước ngoài theo các chương trình hợp tác quốc tế; chương trình trao đổi sinh viên với các cơ sở đào tạo nước ngoài của Trường ĐHCT;
- Ưu tiên xét cấp học bổng khuyến khích của các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước; xét vào ở ký túc xá của Trường; giới thiệu việc làm sau khi tốt nghiệp;
- Được tham gia đóng góp ý kiến để nâng cao chất lượng đào tạo và quản lý đào tạo CTCLC;
- Được miễn thi ngoại ngữ đầu vào trong tuyển sinh đào tạo sau đại học của Trường ĐHCT.

## **CHƯƠNG V**

### **ĐIỀU KIỆN CƠ SỞ VẬT CHẤT PHỤC VỤ ĐÀO TẠO VÀ NGHIÊN CỨU KHOA HỌC**

#### **Điều 17. Phòng học**

1. Có phòng học lý thuyết dành riêng cho các lớp CTCLC.
2. Phòng học được phủ sóng wifi với tốc độ kết nối cao; được trang bị máy tính kết nối mạng internet, thiết bị trình chiếu (ti vi màn hình lớn hoặc projector) và hệ thống âm thanh để phục vụ giảng dạy; máy điều hòa nhiệt độ.

#### **Điều 18. Tài liệu học tập**

1. Tài liệu học tập cho sinh viên CTCLC gồm: giáo trình hoặc bài giảng và tài liệu tham khảo; nội dung bài giảng; bài tập, câu hỏi... phục vụ học tập tại lớp hoặc giờ tự học của sinh viên; tài liệu hướng dẫn thực hành, thực tập; các tài liệu khác phục vụ cho việc học tập của sinh viên. Tài liệu học tập được ghi rõ trong đề cương chi tiết học phần.
2. Học phần lý thuyết phải có đủ giáo trình hoặc bài giảng, tài liệu tham khảo trong, ngoài nước và được cập nhật thường xuyên. Nội dung bài giảng được cung cấp bởi giảng viên giảng dạy học phần. Nội dung bài giảng phải có phần nội dung cơ bản đáp ứng mục tiêu đào tạo của học phần và phần nội dung nâng cao có cập nhật các thành tựu, tiến bộ mới của trong nước và quốc tế.
3. Học phần thực hành, thực tập phải có tài liệu hướng dẫn đầy đủ.
4. Học phần phải có tài liệu là hệ thống bài tập, câu hỏi... phục vụ việc học tập tại lớp hoặc giờ tự học của sinh viên. Nội dung bài tập, câu hỏi... phải giúp sinh viên tiếp thu và hệ thống kiến thức cơ bản; phát triển kiến thức chuyên môn chuyên sâu hơn; đồng thời thúc đẩy sinh viên rèn luyện các kỹ năng mềm. Nội dung yêu cầu sinh viên thực hiện trong giờ tự học phải được đưa vào nội dung kiểm tra hoặc thi học phần.
5. Tài liệu học tập là bản cứng (giấy) hoặc bản mềm (e-file). Sinh viên có thể tiếp cận, tra cứu được tài liệu học tập từ Trung tâm Học liệu hoặc từ hệ thống các thư viện của Trường.

#### **Điều 19. Cơ sở vật chất phục vụ thực tập, thực hành**

1. Có đủ các phòng thí nghiệm, xưởng thực hành, cơ sở thực tập với các thiết bị, dụng cụ, phần mềm cần thiết phục vụ giảng dạy thực tập, thực hành cho sinh viên theo yêu cầu của CTCLC.
2. Có thư viện và thư viện điện tử cho giảng viên và sinh viên CTCLC tra cứu và sử dụng trong giảng dạy, học tập và nghiên cứu khoa học.

## **CHƯƠNG VI**

### **NGHIÊN CỨU KHOA HỌC VÀ HỢP TÁC QUỐC TẾ**

#### **Điều 20. Nghiên cứu khoa học**

1. Hàng năm, mỗi giảng viên cơ hữu tham gia giảng dạy học phần lý thuyết ngành ĐTCLC phải có tối thiểu 01 công trình NCKH được công bố hoặc được nghiệm thu có nội dung liên quan đến ngành ĐTCLC.
2. Trong cả khoá học, mỗi sinh viên CTCLC phải được tham gia NCKH theo nhóm nghiên cứu do các giảng viên hướng dẫn hoặc tham gia đề tài NCKH với giảng viên.
3. Hàng năm, giảng viên và sinh viên CTCLC phải có ít nhất 01 đề tài phối hợp nghiên cứu với các tổ chức, doanh nghiệp và cơ sở sản xuất liên quan đến CTCLC.
4. Nếu có bài báo khoa học được đăng tạp chí khoa học (có mã số ISSN hoặc thuộc danh mục của Hội đồng Chức danh giáo sư nhà nước), sinh viên được xét miễn thi và được công nhận điểm 10 (điểm A) cho 1 học phần (học phần đang trong thời gian học hoặc sẽ đăng ký học) thuộc CTCLC có liên quan đến nội dung chuyên môn của bài báo. Học phần được xét miễn và công nhận điểm do đơn vị quản lý chuyên môn CTCLC xác định và gửi đề nghị cho Phòng Đào tạo để nhập điểm. Sinh viên được Trường hoàn trả học phí cho học phần được xét miễn học nếu đã đóng học phí cho học phần này.

#### **Điều 21. Hợp tác quốc tế**

1. Thực hiện một số hoặc tất cả các hình thức hợp tác quốc tế sau để hỗ trợ phát triển CTCLC: bồi dưỡng, trao đổi giảng viên và sinh viên; tổ chức hợp tác NCKH, tổ chức hội nghị, hội thảo khoa học, giao lưu học thuật; liên kết thư viện, trao đổi kinh nghiệm, thông tin, tài liệu, ấn phẩm khoa học; đảm bảo chất lượng giáo dục, kiểm định chất lượng CTĐT; tham gia các tổ chức khoa học, nghề nghiệp quốc tế liên quan đến CTCLC.
2. Quản lý chuyên gia, giảng viên và sinh viên là người nước ngoài được thực hiện theo các quy định hiện hành của Nhà nước và của Trường ĐHCT.

## **CHƯƠNG VII**

### **ĐẢM BẢO CHẤT LƯỢNG ĐÀO TẠO**

#### **Điều 22. Đảm bảo chất lượng và kiểm định chương trình đào tạo**

1. Tổ chức đào tạo CTCLC phải tuân thủ các quy định về ĐTCLC của Bộ GD&ĐT và Trường ĐHCT. CTCLC sẽ bị đình chỉ tuyển sinh khi không đảm bảo một trong các tiêu chí xác định CTCLC được quy định tại Chương II và Điều 16 của Quy định về đào tạo chất lượng cao trình độ đại học ban hành kèm theo Thông tư số 23/2014/TT-BGDĐT ngày 18 tháng 7 năm 2014 của Bộ Trưởng Bộ GD&ĐT.
2. Trung tâm Đảm bảo chất lượng và Khảo thí phối hợp Tổ Đảm bảo chất lượng của đơn vị quản lý ngành ĐTCLC định kỳ tổ chức lấy ý kiến của sinh viên sau mỗi học kỳ về nội dung, phương pháp giảng dạy và phương pháp đánh giá của giảng viên; công tác quản lý; điều kiện hỗ trợ về cơ sở vật chất; điều kiện và hỗ trợ nghiên cứu khoa học; hợp tác quốc tế; các hoạt động tư vấn, hướng nghiệp và phục vụ sinh viên; và các vấn đề khác.

3. Tổ quản lý Chương trình chất lượng cao có trách nhiệm tổ chức trả lời những ý kiến, phản ánh của sinh viên và viên chức có liên quan đến CTCLC; báo cáo, đề xuất và kiến nghị với Ban quản lý Chương trình chất lượng cao những vấn đề không thuộc thẩm quyền giải quyết.
4. Ban quản lý Chương trình chất lượng cao có trách nhiệm giải quyết và phản hồi các báo cáo, đề xuất, kiến nghị và phản ánh của Trung tâm Đảm bảo chất lượng và khảo thí, Tổ quản lý Chương trình chất lượng cao, giảng viên, viên chức và sinh viên.
5. Sau mỗi khóa tốt nghiệp, Ban quản lý và Tổ quản lý Chương trình chất lượng cao có trách nhiệm tổ chức rà soát CTCLC và đề xuất với Trường các điều chỉnh, bổ sung CTCLC nếu có. Những điều chỉnh, bổ sung CTCLC do Hiệu trưởng quyết định.
6. Kiểm định chương trình đào tạo chất lượng cao

Trung tâm Đảm bảo chất lượng và Khảo thí và đơn vị quản lý ngành ĐTCLC phối hợp thực hiện:

- a) Tổ chức tự đánh giá chất lượng CTCLC và có kế hoạch chuẩn bị các điều kiện cho kiểm định CTCLC;
- b) Đăng ký kiểm định CTCLC sau 2 khoá tốt nghiệp, theo quy định về kiểm định CTĐT của Bộ GD&ĐT;
- c) Lập kế hoạch, lộ trình và thực hiện đăng ký kiểm định CTCLC bởi tổ chức kiểm định của nước có CTĐT tham khảo hoặc tổ chức kiểm định có uy tín trong khu vực hoặc quốc tế.

## CHƯƠNG VIII

### HỌC PHÍ VÀ MIỄN GIẢM HỌC PHÍ, QUỸ HỌC BỔNG VÀ HỌC BỔNG

#### **Điều 23. Học phí và miễn, giảm học phí**

1. Học phí của từng ngành ĐTCLC được xác định trên cơ sở tính đúng, tính đủ chi phí đào tạo cho toàn khóa học. Đề án của từng ngành ĐTCLC phải ghi rõ mức học phí; lộ trình điều chỉnh mức học phí cho những khóa học tiếp theo (nếu cần thiết); phương án thu, chi và quản lý kinh phí để đảm bảo thực hiện đầy đủ các tiêu chí của CTCLC (bao gồm cả miễn, giảm học phí cho sinh viên thuộc diện chính sách được nhận hỗ trợ tài chính của Nhà nước); thực hiện trích lập các quỹ theo quy định hiện hành đối với phần chênh lệch thu chi còn lại. Mức học phí và lộ trình điều chỉnh mức học phí (nếu có) được ghi rõ trong thông báo tuyển sinh, thông báo về học phí hàng năm của Trường; được công bố công khai trên trang thông tin điện tử của Trường ĐHCT.
2. Mức học phí có thể điều chỉnh theo lộ trình điều chỉnh mức học phí và có thể được điều chỉnh hàng năm cho phù hợp với chi phí đào tạo thực tế nhưng đảm bảo không tăng quá 10% so với mức học phí của năm trước.
3. Sinh viên CTCLC thuộc diện chính sách được nhận hỗ trợ tài chính của Nhà nước; sinh viên được miễn, giảm học phí theo quy định của Nhà nước vẫn phải thực hiện nghĩa vụ nộp phần học phí chênh lệch (nếu có) của CTCLC so với CTĐT đại trà.

4. Sinh viên CTCLC là người nước ngoài đóng học phí theo Quy định về tiếp nhận và đào tạo sinh viên nước ngoài đến học tập, nghiên cứu tại Trường ĐHCT có hiệu lực hiện hành.

#### **Điều 24. Quỹ học bổng và học bổng**

1. Trường dành 8% tổng thu học phí ĐTCLC và các nguồn khác phù hợp với quy định của pháp luật để xây dựng “Quỹ học bổng khuyến khích dành cho sinh viên CTCLC”.
2. “Quỹ học bổng khuyến khích học tập dành cho sinh viên CTCLC” được sử dụng để cấp học bổng cho sinh viên CTCLC theo quy định của Trường ĐHCT. Hiệu trưởng quyết định mức học bổng và số lượng sinh viên được nhận học bổng cho từng ngành ĐTCLC.
3. Ngoài việc được hưởng học bổng theo quy định tại khoản 2 Điều này, sinh viên CTCLC được xem xét nhận các học bổng khác theo quy định của Nhà nước hoặc học bổng của các tổ chức, cá nhân tài trợ nếu đáp ứng các điều kiện của học bổng.

### **CHƯƠNG IX**

#### **KHEN THƯỞNG VÀ KỶ LUẬT**

##### **Điều 25. Khen thưởng, kỷ luật đối với sinh viên**

Nội dung, hình thức khen thưởng, kỷ luật đối với sinh viên CTCLC được áp dụng theo quy định về công tác học vụ dành cho sinh viên bậc đại học và cao đẳng hệ chính quy của Trường và các quy định khác có liên quan của Bộ GD&ĐT và của Trường ĐHCT.

##### **Điều 26. Khen thưởng, kỷ luật đối với công chức, viên chức**

Nội dung, hình thức khen thưởng, kỷ luật đối với công chức, viên chức tham gia quản lý, giảng dạy, cố vấn học tập được áp dụng theo Luật Công chức, Luật Viên chức và Luật Lao động và các quy định khác có liên quan của Bộ GD&ĐT và của Trường ĐHCT.

### **CHƯƠNG X**

#### **ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH**

##### **Điều 27. Điều khoản thi hành**

1. Quy định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký và được áp dụng đối với ĐTCLC trình độ đại học của Trường ĐHCT.
2. Lãnh đạo các đơn vị và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thực hiện Quy định này; báo cáo kịp thời những vấn đề phát sinh trong quá trình thực hiện để Hiệu trưởng xem xét và quyết định./.

**HIỆU TRƯỞNG**   
  
**Hà Thanh Toàn**

**Phụ lục: Quy đổi tương đương chứng chỉ (chứng nhận) ngoại ngữ theo khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam (hoặc chứng chỉ theo khung tham chiếu Châu Âu)**

**1. Tiếng Anh**

- Chứng chỉ IELTS quốc tế.
- Chứng chỉ TOEIC (Test of English for International Communication), TOEFL (Test of English as a Foreign Language) do Educational Testing Service (ETS) và IIG Việt Nam cấp.
- Chứng chỉ Cambridge Esol do Tổ chức Cambridge English cấp.
- Chứng nhận ngoại ngữ theo khung năng lực Ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam do Trường Đại học Cần Thơ cấp.

**BẢNG QUY ĐỔI CHUẨN TRÌNH ĐỘ NGOẠI NGỮ TIẾNG ANH**

<b>Chuẩn Việt Nam</b>	<b>Khung tham chiếu CEFR</b>	<b>IELTS</b>	<b>TOEIC</b>	<b>TOEFL ITP</b>	<b>TOEFL IBT</b>	<b>Cambridge Tests</b>
<b>1</b>	<b>A1</b>	<b>&lt; 3.0</b>	<b>&lt; 400</b>	<b>&lt; 337</b>	<b>&lt;31</b>	<b>45- 69 KET</b>
<b>2</b>	<b>A2</b>	<b>3.0 3.5</b>	<b>400</b>	<b>337</b>	<b>31</b>	<b>45 - 64 PET 70 - 89 KET</b>
<b>3</b>	<b>B1</b>	<b>4.0 4.5</b>	<b>450</b>	<b>450</b>	<b>35</b>	<b>45 - 59 FCE 65 - 79 PET 90 - 100 KET</b>
<b>4</b>	<b>B2</b>	<b>5.0 6.0</b>	<b>600</b>	<b>500</b>	<b>60</b>	<b>60 -79 FCE 80 - 100 PET</b>
<b>5</b>	<b>C1</b>	<b>6.5 7.0</b>	<b>850</b>	<b>550</b>	<b>90</b>	<b>60 -79 CAE 80 - 100 FCE</b>
<b>6</b>	<b>C2</b>	<b>7.5+</b>	<b>945+</b>	<b>630+</b>	<b>111+</b>	<b>45 - 59 CPE 80 - 100 CAE</b>
		<b>Top Score 9</b>	<b>Top Score 990</b>	<b>Top Score 677</b>	<b>Top Score 120 IBT</b>	

**2. Tiếng Pháp**

- Bằng DELF (Diplôme d'Etudes en Langue Française), DALF (Diplôme Aprofondi de Langue Française) của Trung tâm Nghiên cứu Sư phạm Quốc Tế Sèvres - Pháp (Centre International d'Etudes Pédagogiques de Sèvres).
- Chứng chỉ TCF (Test de Connaissance du Français) của Trung tâm Nghiên cứu Sư phạm Quốc Tế Sèvres - Pháp (Centre International d'Etudes Pédagogiques de Sèvres) cấp.
- Chứng chỉ TEF (Test d'Evaluation de Français) của CCIP (Chambre d'Industrie et de Commerce de Paris) cấp.
- Chứng nhận năng lực ngoại ngữ tiếng Pháp (theo khung tham chiếu Châu Âu ) do Trường Đại học Cần Thơ cấp.



### BẢNG QUY ĐỔI CHUẨN TRÌNH ĐỘ NGOẠI NGỮ TIẾNG PHÁP

Chuẩn Việt Nam	Khung tham chiếu CEFR	DEL F	TCF	TEF
1	A1	<b>DEL F A1</b> trình độ giao tiếp ban đầu sơ cấp khám phá (découverte)	<b>TCF1</b> (100-199)	<b>TEF1</b> (69-203)
2	A2	<b>DEL F A2</b> trình độ giao tiếp sơ trung cấp (survie)	<b>TCF2</b> (200-299)	<b>TEF2</b> (204-360)
3	B1	<b>DEL F B1</b> trình độ giao tiếp ngưỡng (seuil)	<b>TCF3</b> (300-399)	<b>TEF3</b> (361-540)
4	B2	<b>DEL F B2</b> trình độ giao tiếp độc lập (indépendant)	<b>TCF4</b> (400-499)	<b>TEF4</b> (541-698)
5	C1	<b>DAL F C1</b> trình độ giao tiếp tự chủ (autonome)	<b>TCF5</b> (500-599)	<b>TEF5</b> (699-833)
6	C2	<b>DAL F C2</b> giao tiếp ở trình độ cao (maîtrise)	<b>TCF6</b> (600-699)	<b>TEF5</b> (834-900)

### 3. Tiếng Nga

- Chứng chỉ TORFL, TRKI, TBY do Trung tâm Văn hóa Nga cấp (Kỳ thi TRKI có tên gọi tiếng Anh là: Test of Russian as a Foreign Language)
- Chứng nhận năng lực ngoại ngữ tiếng Nga (theo khung tham chiếu Châu Âu) do Trường Đại học Cần Thơ cấp.

### BẢNG QUY ĐỔI CHUẨN TRÌNH ĐỘ NGOẠI NGỮ TIẾNG NGA

Chuẩn Việt Nam	Khung tham chiếu CEFR	ТРКИ (TRKI)	Ghi chú
1	A1 (Breakthrough)	<b>ТЭУ (TEU)</b> Elementary Level	Chứng nhận có khả năng tối thiểu để giao tiếp hàng ngày
2	A2 (Waystage)	<b>ТБУ (TBU)</b> Immediate Level	Chứng nhận có trình độ sơ cấp về khả năng giao tiếp trong nghề nghiệp, xã hội và văn hóa
3	B1 (Threshold)	<b>ТРКИ-1 (TRKI-1)</b> Certificate Level 1	Chứng nhận có trình độ trung cấp về khả năng giao tiếp trong nghề nghiệp, văn hóa và xã hội. (Đây là chứng chỉ bắt buộc để học ở các trường ĐH của Nga)
4	B2 (Vantage)	<b>ТРКИ-2 (TRKI-2)</b> Certificate Level 2	Chứng nhận có trình độ cao để giao tiếp trong tất cả các lĩnh vực của cuộc sống. Người học có thể làm việc bằng tiếng Nga trong các lĩnh vực khác nhau. (Đây là chứng chỉ bắt buộc để nhận bằng cử nhân hoặc thạc sỹ)

<b>5</b>	<b>C1</b> (Effective Operational Proficiency)	<b>ТРКИ-3 (TRKI-3)</b> Certificate Level 3	Chúng nhận đạt được trình độ cao để giao tiếp trong các lĩnh vực, cho phép người học làm việc bằng tiếng Nga với tư cách là một nhà ngôn ngữ học, nhà dịch thuật, chủ biên của một tạp chí, nhà ngoại giao và nhà lãnh đạo của một cộng đồng nói tiếng Nga
<b>6</b>	<b>C2</b> (Mastery)	<b>ТРКИ-4 (TRKI-4)</b> Certificate Level 4	Chúng nhận đạt được khả năng nắm vững tiếng Nga một cách thông thạo, gần với trình độ của một người bản ngữ. (Đây là chứng chỉ bắt buộc để nhận bằng tốt nghiệp thạc sỹ và tiến sỹ ngôn ngữ học)

#### 4. Tiếng Trung Quốc

- Chúng chỉ HSK với “tiêu chuẩn năng lực Hán ngữ quốc tế” theo khung tham chiếu châu Âu do Tổ chức Hán Ban, Trung Quốc cấp.
- Chúng nhận năng lực ngoại ngữ tiếng Trung Quốc (theo khung tham chiếu Châu Âu) do Trường Đại học Cần Thơ cấp.

#### BẢNG QUY ĐỔI CHUẨN TRÌNH ĐỘ NGOẠI NGỮ TIẾNG TRUNG QUỐC

Chuẩn Việt Nam	Khung tham chiếu CEFR	Tiêu chuẩn năng lực tiếng Trung quốc tế	HSK mới	Lượng từ vựng
<b>1</b>	<b>A1</b>	<b>Cấp 1</b>	<b>HSK cấp 1</b>	150
<b>2</b>	<b>A2</b>	<b>Cấp 2</b>	<b>HSK cấp 2</b>	300
<b>3</b>	<b>B1</b>	<b>Cấp 3</b>	<b>HSK cấp 3</b>	600
<b>4</b>	<b>B2</b>	<b>Cấp 4</b>	<b>HSK cấp 4</b>	1200
<b>5</b>	<b>C1</b>	<b>Cấp 5</b>	<b>HSK cấp 5</b>	2500
<b>6</b>	<b>C2</b>	<b>Cấp 6</b>	<b>HSK cấp 6</b>	Hơn 5000